TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 191/2026/DS-ST
Ngày: 06 - 5 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Minh Giới

Ông Nguyễn Thế Tự

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ.

Trong ngày 06 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 581/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2025, về tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 253/2026/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 187/2026/QĐST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S Có Ngay

Trụ sở: Số A, N, phường T, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kanokwatpaisal N

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Ngọc Hoàng B, sinh năm 1982

Địa chỉ liên hệ: 782 H, khu V, phường N, thành phố Cần Thơ; có mặt.

Bị đơn: Bà Liên Tú A, sinh năm 1993

Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, đại diện theo pháp luật cũng như đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 29/6/2024, bị đơn Liên Tú A có cầm cố cho nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay 01 chiếc xe máy biển số 95E2-103.66, loại xe Yamaha Sirius 110cc, màu đen, số khung: RLCUE3740RY217360, số máy E32VE881227, số giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 003517 cấp ngày 08/5/2024; số tiền cầm cố là 15.053.191 đồng; thời hạn cầm cố là 12 tháng, lãi suất 1,1%/tháng; tiền gốc, lãi, phí trả hàng tháng 01 lần vào ngày 29; lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất trong hạn. Cùng ngày, bị đơn tiếp tục ký kết Thỏa thuận thuê tài sản là xe mô máy đã cầm cố, thời hạn thuê từ ngày 29/6/2024 đến ngày 29/6/2025, giá thuê là 812.872 đồng/tháng.

Từ lúc xác lập hợp đồng đến nay, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn 01 kỳ vào ngày 29/7/2024 với số tiền là 1.296.362 đồng. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ hợp đồng cầm cố nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 13.905.355 đồng và tiền lãi, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kết. Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì đề nghị yêu cầu trả lại xe mô tô theo Thỏa thuận thuê tài sản ngày 29/6/2024.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 06/5/2026 là 23.012.536 đồng, trong đó: nợ gốc là 13.905.355 đồng, lãi trong hạn là 3.642.872 đồng, lãi quá hạn là 5.464.309 đồng và tiếp tục tính lãi kể từ ngày 07/5/2026 theo hợp đồng cầm cố đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ; đại diện nguyên đơn rút lại yêu cầu buộc bị đơn trả các khoản phí và không yêu cầu giải quyết hợp đồng thuê xe ngày 29/6/2024.

Bị đơn Liên Tú A vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền xét xử: Bị đơn Liên Tú A có nơi cư trú tại ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân khu vực 13 – Cần Thơ theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ là: 01 Hợp đồng cầm cố, 01 Phụ lục hợp đồng cầm cố, 01 Phiếu đăng ký cầm cố và Thoả thuận thuê tài sản lập cùng ngày 29/6/2024. Các chứng cứ này đã được Tòa án mở phiên họp công khai và thông báo cho bị đơn Liên Tú A được biết. Tuy nhiên, bị đơn không phản đối với các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh.

[4.2] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xin rút một phần yêu khởi kiện về việc buộc bị đơn trả các khoản phí gồm phí quản lý hồ sơ, phí mượn xe. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của đại diện nguyên đơn là tự nguyện, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[4.3] Hợp đồng cầm cố được xác lập ngày 29/6/2024, cùng ngày các đương sự tiếp tục giao kết hợp đồng thuê tài sản, theo đó bị đơn thuê lại tài sản cầm cố với thời hạn là 12 tháng. Tuy nhiên, từ lúc xác lập hợp đồng cầm cố và hợp đồng thuê tài sản đến nay, bị đơn không trả lại tài sản cầm cố đã thuê và không thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm là đã vi phạm nghĩa vụ được bảo đảm. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm là có căn cứ; đồng thời không yêu cầu giải quyết hợp đồng thuê xe lập ngày 29/6/2024 là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4.4] Xét hợp đồng cầm cố tài sản là việc một bên (bên cầm cố) giao tài sản thuộc quyền sở hữu của mình cho bên kia (bên nhận cầm cố) để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Tuy các đương sự không xác lập hợp đồng vay tài sản, nhưng thực chất hợp đồng cầm cố giữa các đương sự được xác lập là nhằm bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của bị đơn đối với số tiền vay của nguyên đơn là 15.053.191 đồng được ghi

nhận trong hợp đồng cầm cố. Nội dung hợp đồng thỏa thuận thời hạn trả nợ là 12 tháng, được trả dần theo định kỳ hàng tháng, mỗi tháng trả 812.872 đồng. Đến thời điểm xét xử, thời hạn của hợp đồng cũng đã đến hạn tất toán nhưng phía bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số nợ gốc 13.905.355 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn là 1,1%/ tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã trả cho nguyên đơn tổng số tiền 1.296.362 đồng. Do đó, đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 06/5/2026 là 23.012.536 đồng, trong đó: nợ gốc là 13.905.355 đồng, lãi trong hạn là 3.642.872 đồng, lãi quá hạn là 5.464.309 đồng và tiếp tục tính lãi kể từ ngày 07/5/2026 theo hợp đồng cầm cố đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ là phù hợp với thỏa thuận của các đương sự và đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sơ thẩm là 5% giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92; Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 309, Điều 311, Điều 314, Điều 315, Điều 424, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 494 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 24, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay đối với bị đơn Liên Tú A.

Buộc bị đơn Liên Tú A có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần S Tiền Có Ngay tổng số tiền tạm tính đến ngày 06/5/2026 là 23.012.536 đồng (hai mươi ba triệu, không trăm mười hai nghìn, năm trăm ba mươi sáu đồng), trong đó: nợ gốc là 13.905.355 đồng, lãi trong hạn là 3.642.872 đồng, lãi quá hạn là 5.464.309 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S tiền có ngay, về việc đòi bị đơn Liên Tú A trả các khoản phí quản lý hồ sơ và phí mượn xe.

3. Về án phí: Bị đơn Liên Tú A phải chịu 1.150.627 đồng (một triệu, một trăm năm mươi nghìn, sáu trăm hai mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 866.000 đồng (tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010668 ngày 28 tháng 11 năm 2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND khu vực 13- Cần Thơ;
- THADS TP Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thanh Ngân